TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2026
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Lê Bửu Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc và bà Trần Thị Yến Nhi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D,** sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai; (nay là Khu phố T, Phường T, Thành phố Đ).

Bị đơn: Anh **Phạm Đức C,** sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai; (nay là Khu phố T, phường T, thành phố Đ).

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 23/9/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau nữa. Đầu năm 2024, chị đã về nhà ngoại ở; đến tháng 7/2024, anh C bị bắt đi cai nghiện bắt buộc ở Trại cai nghiện X. Sau đó, anh C được về nhà từ tháng 12/2025. Từ thời điểm anh C về nhà, không đến thăm và chăm sóc con chung, không quan tâm đến gia đình. Chị một mình nuôi con từ thời điểm ly thân năm 2024 đến nay.

Nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống không hạnh phúc, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Đức C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 có con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 30/8/2016; cháu Phạm Anh K1, sinh ngày 28/7/2022.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu K1. Tạm thời, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Đối với anh Phạm Đức C: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh C đến Tòa án làm việc, nhưng anh C không chấp hành nên không có lời trình bày.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Trần Thị D và anh Phạm Đức C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Phạm Đức C.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 30/8/2016; cháu Phạm Anh K1, sinh ngày 28/7/2022 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Phạm Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và kê khai không có nợ chung. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Trần Thị Diễm P chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm khởi K2 yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Phạm Đức C. Anh Phạm Đức C cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị D và anh Phạm Đức C là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Đức C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị Trần Thị D và anh Phạm Đức C kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) vào ngày 23/9/2015. Nay, chị D yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh C, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Phạm Đức C sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D yêu cầu ly hôn với lý do tình tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh C đến Tòa án để hòa giải nhưng anh C không đến để làm việc, thể hiện ý chí của anh C không

muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Xét thấy hôn nhân của chị D và anh C trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị được ly hôn với anh Phạm Đức C.

[3.2]. Về con chung: Chị D và anh C có 02 có con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 30/8/2016; cháu Phạm Anh K1, sinh ngày 28/7/2022.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu K1. Tạm thời, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bản thân chị D có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị D và anh C sống ly thân đến nay, 02 (hai) cháu K và K1 sống cùng chị D và được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K và K1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và kê khai không có nợ chung. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc chị Trần Thị Diễm P chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm . Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Phạm Đức C.

2. Về con chung: Chị D và anh C có 02 có con chung, là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 30/8/2016; cháu Phạm Anh K1, sinh ngày 28/7/2022.

Giao con chung cho chị Trần Thị Diễm trực T nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Phạm Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Đức C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Diễm P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001513 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Phạm Đức C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Lê Bửu Thiện

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Tân Phú: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 105/2015, quyển số 01/2015, cấp ngày 23/9/2015 của UBND xã Phú Thanh (cũ)).
- Lưu HS – LT.